|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN** **TỈNH ĐẮK LẮK**Số: /BC-UBNDDự thảo |  |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Đắk Lắk, ngày tháng 10 năm 2019* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 và Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016;Quyết định số 31/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 05/3/2019 của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 về ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; ngày 14/5/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3841/KH-UBND về Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2010-2020.

Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2010 - 2020**

**I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Tỉnh Đắk Lắk là tỉnh miền núi có vị trí địa lý ở trung tâm của vùng Tây Nguyên. Diện tích tự nhiên 13.125 km². Dân số khoảng 1,9 triệu người, gồm 47 dân tộc anh em sinh sống, các dân tộc thiểu số chiếm hơn 30% dân số toàn tỉnh; tỉnh có 13 huyện, 1 thị xã và 1 thành phố; có 184 xã, phường, thị trấn. Vùng nông thôn có 152 xã với diện tích chiếm 97,6% diện tích toàn tỉnh; với 344.761 hộ, 1.448.000 khẩu, chiếm 79,3% tổng số hộ, 75,3% số khẩu toàn tỉnh. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vai trò, vị trí rất quan trọng trong phát triển nền kinh tế, xã hội tỉnh Đắk Lắk.

**1. Thuận lợi**

So sánh với tình hình chung của cả nước, trong những năm qua, kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Lắk có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả quan trọng trên nhiều phương diện, lĩnh vực. Nguồn nhân lực dồi dào (cuối năm 2018, dân số của tỉnh là 1.917.816 người; lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có 1.171.498 người, chiếm 61,09% so với tổng dân số; lực lượng lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế là 1.150.880 người, chiếm 60,01% so với tổng dân số và chiếm 98,24% so với lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên, lực lượng lao động có sự chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp sang các ngành công nghiệp và dịch vụ; tỉnh có diện tích tự nhiên trên 13 ngàn km2 và 40% là đất bazan màu mỡ; hệ thống sông, suối, hồ trên địa bàn tỉnh có mật độ dòng chảy khá dày và phân bố tương đối đều trên lãnh thổ; đầu năm 2019, diện tích đất có rừng là 512,853,8 ha. Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh có nhiều loại khoáng sản khác nhau chưa được thăm dò, đánh giá trữ lượng cụ thể như: Vàng, đá ốp lát, đá, sét, cát làm vật liệu xây dựng phân bố ở nhiều nơi trong tỉnh.

Đắk Lắk có thế mạnh về phát triển nông nghiệp, đất đai rộng lớn, màu mỡ, với diện tích đất tự nhiên trên 1,3 triệu ha; trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 627 ngàn ha (cà phê: 203.063 ha, cao su: 37.601 ha, điều: 23.028 ha, cây ăn quả: 20.489 ha…), rừng và đất lâm nghiệp trên 700 ngàn ha, ngoài ra còn gần 40 ngàn ha mặt nước nuôi trổng thủy sản có tiềm năng lớn để phát triển nông lâm nghiệp có giá trị gia tăng cao. Nông lâm nghiệp, thủy sản chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu nền kinh tế của tỉnh, chiếm khoảng 40% GDP. Giá trị sản xuất nông nghiệp luôn tăng trưởng bình quân từ 4-5%/năm, đặc biệt là nhóm cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, … chiếm khoảng 90% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, sản xuất nông nghiệp giải quyết việc làm và thu nhập cho gần 70% lao động của tỉnh.

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm sau cũng cao hơn so với năm trước, từ năm 2012 tăng 2,24% so với năm 2011; đến năm 2018 tăng đến 7,82% so với năm 2017; thu nhập bình quân trên đầu người (theo giá hiện hành) đạt 41,1 triệu đồng/người; thu ngân sách nhà nước đạt 5.882 tỷ đồng. Việc quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính đã góp phần ổn định kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, duy trì tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống cho nhân dân.

**2. Khó khăn**

Là tỉnh miền núi nên có những khó khăn do địa hình phức tạp, địa bàn rộng, diện tích xã bình quân của tỉnh là hơn 8.300 ha/xã; dân cư phân tán, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đầu tư chưa được đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, chợ nông thôn, nước sạch … ở nhiều xã còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhất là những xã nghèo, xã khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Vệ sinh môi trường một số khu vực nông thôn chưa được quan tâm. Hệ thống chính trị cơ sở ở nhiểu nơi còn yếu; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức xã còn thấp. Việc thực hiện các tiêu chí nông thôn mới về xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu ở nông thôn còn gặp rất nhiều khó khăn (do kinh phí đầu tư quá lớn). Đồng thời, là tỉnh còn nghèo, do hạn chế nguồn lực nên tỉnh Đắk Lắk vẫn còn là tỉnh được Trung ương bổ sung kinh phí hàng năm; đời sống người dân còn ở mức thấp, việc huy động vốn để xây dựng nông thôn mới rất hạn chế, nhất là ở các xã nghèo, xã biên giới, xã khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Trước khi chưa triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, hầu hết các xã của tỉnh đều ở xuất phát điểm rất thấp so với mặt bằng chung toàn quốc; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, nhất là cấp xã còn hạn chế, tâm lý trông chờ ỷ lại vào nhà nước vẫn còn tồn tại ở hầu hết các xã. Toàn tỉnh mới có 3 xã đạt từ 10-12 tiêu chí nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 2%; 51 xã đạt từ 5-9 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 34%, 81 xã đạt dưới 5 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 53%, toàn tỉnh chỉ mới đạt 508/2.888 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 17,6%; bình quân toàn tỉnh chỉ mới đạt 3,34 tiêu chí/xã. Nhiều xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ở các huyện khó khăn, huyện biên giới chỉ đạt 1-2 tiêu chí.

**II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Công tác ban hành các cơ chế, chính sách**

a) Giai đoạn 2010 - 2015:

- Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 22/4/2011 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020, để thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 về việc phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; ngày 15/9/2011, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2406/QĐ-UBND về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 22/4/2011 của Tỉnh ủy.

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/12/2011 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phong trào thi đua “xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 của tỉnh.

- HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 50/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 về việc “quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và quản lý đầu tư xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2012-2015”; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 35/2012/QĐ-UBND ngày 28/9/2012 để triển khai Nghị quyết trên.

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 Về việc ban hành bảng chấm điểm các tiêu chí nông thôn mới của tỉnh.

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của tỉnh đã ban hành trên 212 văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Trong đó, UBND tỉnh và Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của tỉnh đã ban hành 24 văn bản để thành lập tổ chức, bộ máy làm công tác xây dựng nông thôn mới; 14 quyết định giao kế hoạch vốn, 68 văn bản chỉ đạo công tác chuyên môn, nghiệp vụ; 38 Thông báo kết luận cuộc họp, 44 Báo cáo kết quả triển khai Chương trình, 24 văn bản chỉ đạo khác. Ngoài ra các Sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể thường xuyên ban hành các văn bản hướng dẫn về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để các địa phương thực hiện.

b) Giai đoạn 2016 - 2020:

- HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 158/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến 2030; Nghị quyết số 173/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015về việc Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 về Kế hoạch phân bổ chỉ tiêu, nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk… theo đó, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2602/QĐ-UBND, ngày 25/9/2015 về việc ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 158/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của HĐND tỉnh; ban hành Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 về việc ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 173/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của HĐND tỉnh.

- UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 09/7/2018 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh từ nay đến năm 2020.

- UBND tỉnh đã ban hành: Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới Đắk Lắk, giai đoạn 2017 - 2020; Kế hoạch số 3841/KH-UBND, ngày 14/5/2019 về Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2010-2020…

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG của tỉnh đã ban hành hơn 105 văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Ngoài ra các Sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể thường xuyên ban hành các văn bản hướng dẫn về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để các địa phương thực hiện.

\* Cấp huyện:

- 15/15 huyện, thị xã và thành phố đã ban hành Nghị quyết hoặc Chương trình, kế hoạch hành động của Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy để triển khai Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 22/4/2011 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể cấp huyện thường xuyên ban hành các văn bản hướng dẫn về Chương trình xây dựng nông thôn mới để các xã thực hiện.

- Có 152/152 Đảng ủy các xã đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về Chương trình xây dựng nông thôn mới để triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới ở cơ sở.

- Ngoài ra các huyện, thị xã, thành phố cũng đã ban hành một số cơ chế chính sách như hỗ trợ xi măng để làm đường giao thông nông thôn, Nhà văn hóa thôn, buôn...

- Đối với những vấn đề mới như: Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Vườn mẫu nông thôn mới; thôn, buôn đạt chuẩn nông thôn mới nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP):UBND tỉnh đã ban hành: Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 về việc ban hành bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2018 - 2020; Quyết định số 222/QĐ-UBND, ngày 29/01/2019 về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn, buôn nông thôn mới trên địa bàn 4 xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới thuộc 02 huyện: Buôn Đôn, Ea Súp tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2019-2020; Quyết định số 232/QĐ-UBND, ngày 29/01/2019 về việc ban hành Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận thôn, buôn nông thôn mới trên địa bàn 4 xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới thuộc 02 huyện Buôn Đôn, Ea Súp tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2019-2020; Quyết định số 637/QĐ-UBND, ngày 25/3/2019 về việc ban hành Bộ tiêu chí vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2019-2020; Quyết định số 638/QĐ-UBND, ngày 25/3/2019 về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2019-2020; Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 về việc Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2019 - 2020; Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 về việc phê duyệt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2019 - 2020; Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 về việc ban hành Bộ tiêu chí (tạm thời) đánh giá, xếp hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 08/7/2019 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm, giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk…

## 2. Công tác kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Giai đoạn 2010 - 2015:

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tuớng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, tỉnh Đắk Lắk đã thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới ở các cấp như sau:

- Cấp tỉnh: ngày 15/7/2010, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 Về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của tỉnh và ngày 6/10/2011, ban hành Quyết định số 2565/QĐ-UBND để kiện toàn Ban Chỉ đạo gồm 46 thành viên, do đ/c Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo; 01 Phó Trưởng Ban Chỉ đạo là Phó Chủ tịch UBND tỉnh và 01 Phó Trưởng ban thường trực Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT; các thành viên Ban Chỉ đạo gồm đầy đủ Giám đốc, Phó Giám đốc các sở, thủ trưởng các ngành, tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị và tổ chức chính trị xã hội; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh được UBND tỉnh thành lập theo Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 13/2/2015 (thay thế Quyết định số 2949/QĐ-UBND, ngày 11/11/2011 của UBND tỉnh), với số lượng thành viên 18 người, trong đó: có 6 thành viên chuyên trách, 12 thành viên kiêm nhiệm từ: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nội vụ, Kho bạc nhà nước tỉnh.

\* Cấp huyện

- 15 huyện, thị xã, thành phố ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới và ban hành Quyết định thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện (thay thế cho Tổ Công tác giúp việc Ban chỉ đạo); có quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Văn phòng Điều phối, phân công trách nhiệm cho các thành viên.

\* Cấp xã: đã có 152/152 xã đã thành lập đồng thời 02 Ban Chỉ đạo và Ban Quản lý, bố trí 1 công chức làm chuyên trách nông thôn mới; có 2.081/2.081 Ban Phát triển thôn, buôn được thành lập.

b) Giai đoạn 2016 - 2020:

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế quản lý, điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020,tỉnh Đắk Lắk đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp như sau:

- Cấp tỉnh: ngày 26/12/2016, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3844/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh, giai đoạn 2016-2020; theo đó, Ban Chỉ đạo tỉnh có 33 thành viên, Trưởng Ban Chỉ đạo là Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Trưởng Ban Thường trực là Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, 2 Phó Trưởng ban là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, 7 ủy viên thường trực, 22 ủy viên. Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh về quản lý và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020. Để kiện toàn Ban Chỉ đạo, UBND tỉnh có Quyết định số 1391/QĐ-UBND 09/6/2017 và Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 để bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh; đến nay, Ban Chỉ đạo tỉnh có 50 thành viên.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh được UBND tỉnh thành lập theo Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 27/02/2017, do Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT làm Chánh Văn phòng điều phối, 01 Phó Chánh Văn phòng điều phối chuyên trách, 01 Phó Chánh Văn phòng điều phối do Chi cục trưởng Chi cục PTNT kiêm nhiệm, 05 thành viên chuyên trách và 19 thành viên kiêm nhiệm từ các sở ngành.

\* Cấp huyện

- 15 huyện, thị xã, thành phố ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và ban hành Quyết định thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện; có quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Văn phòng Điều phối, phân công trách nhiệm cho các thành viên.

\* Cấp xã: 152/152 xã đã thành lập Ban Quản lý và bố trí công chức làm chuyên trách nông thôn mới; có 2.131/2.131 Ban Phát triển thôn, buôn được thành lập.

**3. Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp**

- Tỉnh Đắk Lắk xác định công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ các cấp làm công tác nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng, then chốt. Cấp tỉnh đã tổ chức 98 lớp với hơn 6.400 lượt người tham dự; cấp huyện đã tổ chức 280 lớp tập huấn về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cho hơn 11.850 lượt người tham dự; cấp xã tổ chức 214 lớp với 8.200 lượt người tham dự; ngoài ra, toàn tỉnh đã tổ chức tập huấn hơn 450 lớp tập huấn và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản… cho hơn 22.500 lượt người tham dự.

- Ban Chỉ đạo tỉnh đã cử nhiều cán bộ tham dự các lớp tập huấn do Văn phòng điều phối Trung ương tổ chức. Văn phòng điều phối tỉnh đã phối hợp với Văn phòng điều phối Trung ương mở 03 lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác nông thôn mới các tỉnh Tây nguyên tại tỉnh Đắk Lắk với 230 người tham dự; phối hợp với Liên minh HTX Việt Nam tổ chức 01 lớp tập huấn cho 42 cán bộ quản lý HTX trên địa bàn tỉnh.

## 4. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới

- Các cơ quan chính quyền các cấp của tỉnh tiếp tục tích cực tổ chức quán triệt về mục đích, nội dung của chương trình. Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể tiếp tục vận động các thành viên, hội viên tham gia thực hiện chương trình. Công tác tuyên truyền tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh, đã vận động các tầng lớp nhân dân ở nông thôn tham gia thực hiện Chương trình nông thôn mới gắn với nâng cao chất lượng các cuộc vận động của các hội, đoàn thể như: Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi”, “Nông dân Đắk Lắk chung tay xây dựng nông thôn mới”, “Dân vận khéo”, “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”, mô hình “5 không, 3 sạch”, “Phụ nữ chung tay xây dựng nông thôn mới”, “Lực lượng vũ trang tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới”, phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”…

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ VN các cấp đã tổ chức hội nghị triển khai, hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới theo hướng dẫn của Ủy ban Trung ương MTTQ VN gồm 17 nội dung đối với cấp xã và bao gồm 04 bước. Qua thống kê về kết quả lấy phiếu đánh giá sự hài lòng của người dân về công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đại đa số các hộ dân đồng tình, hài lòng với quá trình tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới với tỷ lệ đạt 98,8%; tất cả các tiêu chí đều có tỷ lệ hài lòng trên 90%; số phiếu chưa hài lòng và không có ý kiến chiếm tỷ lệ thấp.

- Đài PTTH tinh: Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Lắk đã mở chuyên mục “Xây dựng nông thôn mới”, với thời lượng từ 5 đến 7 phút phát trong chương trình thời sự tối thứ năm hàng tuần trên sóng phát thanh, truyền hình Đắk Lắk. Đặc biệt, vào tối thứ hai của tuần thứ nhất trong tháng, Đài có chương trình truyền hình trực tiếp “Đồng hành và chia sẻ” với những chuyên gia có uy tín, kinh nghiệm trao đổi tư vấn về khoa học kỹ thuật nông nghiệp, chăm sóc cây trồng, vật nuôi… Hàng tuần đều có các tin, bài, phóng sự, trao đổi tọa đàm với nhiều hình thức phong phú, đa dạng về triển khai xây dựng nông thôn mới của tỉnh, thành phố, thị xã và các huyện, xã, thôn, buôn. Ngoài việc nêu chủ trương chung, chương trình còn phân tích đánh giá tình hình, đồng thời có những kiến nghị đề xuất về chủ trương xây dựng nông thôn mới phù hợp với tình hình thực tế của mỗi vùng, miền, địa phương, trên cơ sở đó để có định hướng dư luận về xây dựng nông thôn mới không chỉ của một ngành, đơn vị mà có sự chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị. Qua đó Đài đã góp phần tích cực vào việc xây dựng nông thôn mới theo đúng kế hoạch chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đắk Lắk.Giai đoạn 2010 đến 2019, Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Lắk đã sản xuất và phát sóng chuyên mục “Xây dựng nông thôn mới” với thời lượng từ 5 đến 7 phút/chương trình/tuần, phát sóng 3 lần/tuần, đạt khoảng 150h/10 năm; “Thời sự Nông nghiệp” với thời lượng 7 phút/chương trình/tuần, phát sóng 3 lần/tuần, đạt 180h/10 năm; “Đời sống nông thôn” với thời lượng 15 phút/chương trình/tuần, phát sóng 3 lần/tuần, đạt 390h/10 năm; “Khoa học kỹ thuật với nhà nông” với thời lượng 15 phút/chương trình/tuần, phát sóng 3 lần/tuần, đạt 390h/10 năm; “Tài nguyên và Môi trường” với thời lượng 15 phút/chương trình/2 tuần, phát sóng 3 lần/2 tuần, đạt 180h/10 năm; Chương trình truyền hình trực tiếp “Đồng hành và chia sẻ” với thời lượng 70 phút/chương trình/tháng, phát lại 2 lần với thời lượng 30 phút/chương trình/tháng, đạt 260h/10năm và lồng ghép tuyên truyền trong các chuyên trang, chuyên mục như Thanh niên, Phụ nữ và cuộc sống, Người cao tuổi, Quốc phòng toàn dân, Trang truyền hình địa phương... Ngoài ra trong các chương trình thời sự hàng ngày gồm tiếng Kinh, tiếng Ê Đê và tiếng M’Nông cũng có nhiều tin, bài, phóng sự tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới.

- Tỉnh đoàn: Các cấp bộ đoàn đã phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình địa phương xây dựng các phóng sự, chuyên đề về hoạt động của Đoàn trong việc tham gia xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là những bài viết nêu những mô hình hay, hiệu quả trong phong trào phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, các công trình, phần việc của thanh niên được đăng tải trên website Tỉnh đoàn <http://www.tinhdoandaklak.gov.vn>; bản tin tuổi trẻ của Tỉnh Đoàn, báo Đắk Lắk và trên Đài phát thanh và truyền hình tỉnh. Ngoài việc cấp phát các tờ rơi, áp phích, sổ tay của Trung ương, Tỉnh Đoàn đã chủ động phối hợp với văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức biên tập các nội dung về xây dựng nông thôn mới thành tài liệu sinh hoạt của chi đoàn, chi hội, chi đội; kết quả đã cấp phát 56.640 tờ rơi, áp phích, sổ tay, bản tin. Ngoài ra, mỗi đơn vị đều có các hoạt động tuyên truyền về Tuổi trẻ Đắk Lắk chung tay xây dựng nông thôn mới thông qua hệ thống băng rôn, khẩu hiệu, cờ phướn, bảng công trình,... đồng thời lồng ghép vào các hoạt động, sự kiện của địa phương qua đó giúp cho đoàn viên, thanh niên cũng như đông đảo quần chúng nhân dân hiểu đầy đủ nội dung, mục đích, ý nghĩa của xây dựng nông thôn mới góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của ĐVTTN thông qua những việc làm và hành động cụ thể; kết quả các cấp bộ đoàn trong toàn tỉnh đã tổ chức được trên 480 hội thi, diễn đàn, hội nghị, hội diễn văn nghệ nhằm tuyên truyền các chủ trương xây dựng nông thôn mới của Đảng, Nhà nước. Qua đó đã thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của tổ chức Đoàn trong việc tuyên truyền và vận động nhân dân và Đoàn viên thanh thiếu niên cùng chung tay thực hiện tốt công tác xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng Nông thôn mới, Trung tâm Khuyến nông của tỉnh tổ chức 10 lớp tập huấn công tác tuyên truyền về xây dựng NTM cho 1.200 cán bộ Đoàn chủ chốt tỉnh Đắk Lắk.

- Hội LH Phụ nữ: Hàng năm, các cấp Hội tập trung tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và địa phương; kịp thời thông tin đến đội ngũ cán bộ Hội về các văn bản làm cơ sở để Hội tham mưu, đề xuất với chính quyền địa phương tạo điều kiện về nguồn lực cho Hội tham gia xây dựng nông thôn mới; tuyên truyền đảm bảo an ninh trật tự, kiến thức, hiểu biết về nuôi dạy con, giáo dục chăm sóc sức khỏe, phòng chống bạo lực gia đình thông qua sinh hoạt chi/tổ Hội và các phương tiện thông tin đại chúng, có 1.031.620 lượt cán bộ, hội viên phụ nữ tham gia. Bên cạnh đó, các cấp Hội đẩy mạnh tuyên truyền 8 tiêu chí của cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch gắn với xây dựng nông thôn mới dưới nhiều hình thức lồng ghép với 3 tiêu chuẩn phong trào thi đua yêu nước và phẩm chất đạo đức của phụ nữ: tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang; kết hợp tuyên truyền và rà soát, đánh giá, khai thác lợi thế của sách lật trong truyền thông nhóm nhỏ… Các cấp Hội đã giới thiệu, biểu dương, nhân rộng 1.208 gương cán bộ, hội viên điển hình tiêu biểu trên các lĩnh vực xây dựng nông thôn mới, viết 513 tin, bài về gương điển hình đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và cổng thông tin điện tử của Hội LHPN tỉnh. Tổ chức nhiều hoạt động đa dạng, phong phú như: Mít tinh, tọa đàm, phát động phong trào thi đua, liên hoan văn nghệ, ngày hội thể thao, hội thi nấu ăn, hội thi “Nữ công an thanh lịch, tài năng”, nói chuyện chuyên đề... nhằm khơi dậy tinh thần thi đua yêu nước, thi đua xây dựng nông thôn mới, thu hút trên 527.023 lượt cán bộ, hội viên phụ nữ tham gia. Xây dựng chuyên mục phụ nữ khởi nghiệp và chuyên mục mô hình kinh nghiệm trên Trang thông tin của Hội để tuyên truyền rộng rãi các mô hình, câu lạc bộ, gương phụ nữ điển hình trong lĩnh vực phát triển kinh tế, vượt khó vươn lên thoát nghèo để hội viên phụ nữ học tập.

- Hội Cựu chiến binh: Bằng nhiều hình thức vân động, 10 năm qua Hội Cựu chiến binh các cấp đã phối hợp với trường Chính trị tỉnh và Trung tâm chính trị các huyện, thị, thành phố, tổ chức 152 lớp tập huấn cho cán bộ, hội viên Cựu chiến binh *(cấp tỉnh 31 lớp, cấp huyện, thị, thành phố 154 lớp*) có 27.090 lượt cán bộ, hội viên tham gia. Nội dung tuyên truyền tập trung vào Nghị quyết, Quyết định của Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn của các sở, ban, ngành liên quan đến Chương trình xây dựng nông thôn mới… Qua đó, đã thúc đẩy nhân dân và Cựu chiến binh tích cực tham gia các phong trào ở địa phương, trong đó vai trò giương mẫu của CCB là động lực thúc đẩy toàn dân tích cực tham gia hưởng ứng như; Chung tay vì người nghèo, Phong trào hè thông đường thoáng, Vệ sinh môi trường, góp tiền, công, hiến đất…

- Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh đã phối hợp với UBND các xã hỗ trợ sửa chữa 02 và xây dựng 21 bảng hiệu tuyên truyền về Chương trình nông thôn mới đặt tại xã; đăng tin bài tuyên truyền về Chương trình nông thôn mới trên Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), trên Tạp chí Xây dựng Đảng; cấp phát Tạp chí Nông thôn Việt cho các đơn vị…

- Một số điển hình: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tổ chức ký kết Chương trình phối hợp với UBND tỉnh về thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh để thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 18/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã in 6.766 cuốn/tháng phát hành đến 100% Chi bộ, Đảng bộ cơ sở; Hội Nông dân tỉnh đã ban hành 580 cuốn tài liệu tuyên truyền về Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, 200 cuốn tài liệu hướng dẫn cán bộ, hội viên nông dân, hội viên nông dân; Tỉnh đoàn phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức Ngày hội “Thanh niên nông thôn và tuyên dương mô hình thanh niên làm kinh tế giỏi tỉnh Đắk Lắk”; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện như: Tạp chí Văn hóa tỉnh Đắk Lắk, Tờ Thông tin Đắk Lắk phát hành và đưa tin đều đặn về hoạt động chung của ngành, trong đó lồng ghép tuyên truyền các nội dung về Chương trình xây dựng nông thôn mới; Công an tỉnh tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, công an huyện, thị xã, thành phố chủ động tổ chức tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới dưới nhiều hình thức như qua phương tiện thông tin đại chúng, khẩu hiệu hành động, phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ…

**5. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (Có so sánh với giai đoạn 2010 - 2015)**

**5.1. Giai đoạn 2011 - 2015**

Tổng nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình trong 5 năm là 37.455.532 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước bố trí trực tiếp cho Chương trình: 500.436 triệu đồng (tỷ lệ 1,3%), bao gồm:

+Ngân sách trung ương: 250.955 triệu đồng (vốn đầu tư: 32.899 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 58.056 triệu đồng; vốn trái phiếu chính phủ: 160.000 triệu đồng).

+Ngân sách địa phương: 249.481 triệu đồng (NS tỉnh: 64.033 triệu đồng, NS huyện: 95.720 triệu đồng, NS xã: 89.728 triệu đồng).

- Vốn lồng ghép từ chương trình, dự án khác: 7.855.272 triệu đồng (tỷ lệ 21%).

- Vốn tín dụng: 17.718.000 triệu đồng (tỷ lệ 47,3%).

- Vốn huy động từ doanh nghiệp: 1.321.938 triệu đồng (tỷ lệ 3,5%).

- Vốn đóng góp của cộng đồng dân cư: 1.490.000 triệu đồng (tỷ lệ 4%).

- Vốn huy động từ nguồn vốn khác: 8.569.886 triệu đồng (tỷ lệ 22,9%).

**5.2. Giai đoạn 2016 - 2020**

Dự kiến tổng nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình trong 5 năm là 103.199.580 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước bố trí trực tiếp cho Chương trình: 3.043.489 triệu đồng (tỷ lệ 2,95%), bao gồm:

+ Ngân sách trung ương: 1.148.400 triệu đồng (vốn đầu tư: 800.200 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 260.200 triệu đồng; vốn trái phiếu chính phủ: 88.000 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 1.895.089 triệu đồng (NS tỉnh: 1.204.995 triệu đồng, NS huyện: 366.360 triệu đồng, NS xã: 323.734 triệu đồng).

- Vốn lồng ghép từ chương trình, dự án khác: 5.930.838 triệu đồng (tỷ lệ 5,75%).

- Vốn tín dụng: 90.427.573 triệu đồng (tỷ lệ 87,62%).

- Vốn huy động từ doanh nghiệp: 1.790.000 triệu đồng (tỷ lệ 1,73%).

- Vốn đóng góp của cộng đồng dân cư: 2.007.680 triệu đồng (tỷ lệ 1,95%).

*(Chi tiết tại Biểu số 06 kèm theo)*

**6. Đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Phong trào thi đua “Đắk Lắk chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2010-2020 và đánh giá hiệu quả của Phong trào thi đua đối với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.**

- Thực hiện Quyết định số 1620/QĐ-TTg ngày 20/9/2011của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; ngày 07/12/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 3158/QĐ - UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phong trào thi đua “Đắk Lắk chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 của tỉnh.Thực hiện Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020; ngày 08/3/2017, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Đắk Lắk chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020.Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, các địa phương đã tổ chức phát động phong trào thi đua với những mục đích, yêu cầu, nội dung, tiêu chuẩn, đối tượng cụ thể. Phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới được phát động rộng khắp ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Thông qua phong trào thi đua, đã phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức, vận động nhân dân tham gia thực hiện xây dựng nông thôn mới.

UBND tỉnh chỉ đạo các, sở, ban ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình tổ chức, thực hiện phong trào thi đua “Đắk Lắk chung sức xây dựng nông thôn mới” theo kế hoạch đã đề ra; đồng thời hướng dẫn đơn vị, địa phương tổ chức sơ kết phong trào thi đua ”Đắk Lắk chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011- 2015, giai đoạn 2016 - 2018 và tổng kết giai đoạn 2011-2020 theo đúng quy định. Qua công tác sơ kết, tổng kết đã đánh giá được những ưu điểm, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện phong trào thi đua; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền về việc tổ chức phát động, triển khai phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương xây dựng nông thôn mới; đánh giá kết quả phong trào thi đua trong thực hiện 19 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới, trong đó tập trung đánh giá các mô hình mới, các giải pháp đã thực hiện có hiệu quả để phấn đấu đạt, vượt và về đích sớm các mục tiêu và nội dung của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; đánh giá tác động cụ thể của phong trào thi đua trong góp phần hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đối với cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã gắn với tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các phong trào, các cuộc vận động đang triển khai, tạo ra động lực mới cho việc thực hiện các phong trào thi đua yêu nước của địa phương. Từ những ưu, khuyết điểm và những kiến nghị, đề xuất của các cấp, các ngành, các địa phương, UBND tỉnh đã tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh phong trào thi đua ‘Đắk Lắk chung sức xây dựng nông thôn mới” trong toàn tỉnh.

Thông qua các đợt sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, UBND tỉnh và các cấp, các ngành đã biểu dương, tôn vinh, khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho nhiều tập thể, cá nhân, hộ gia đình tiêu biểu, có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới.

- Về công tác thi đua khen thưởng: Thủ tướng Chính phủ đã tặng cờ thi đua cho 01 huyện, tặng bằng khen cho 11 tập thể, 8 cá nhân đã có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng nông thôn mới; Bộ Giao thông Vận tải đã tặng bằng khen và thưởng 100 tấn xi măng cho xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột. Năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã tặng Bằng khen cho 1 xã, 1 chi bộ thôn, 1 hộ gia đình của tỉnh Đắk Lắk do có thành tích trong việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tổng kết Phong trào thi đua “cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011-2020, UBND tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho 02 tập thể, 03 cá nhân. UBND tỉnh tặng cờ thi đua cho 43 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tặng bằng khen cho 204 tập thể, 331 cá nhân và 120 hộ gia đình. Sơ kết 3 năm phong trào “Tuổi trẻ Đắk Lắk chung tay xây dựng nông thôn mới”, Tỉnh đoàn Đắk Lắk tổ chức biểu dương, tôn vinh 24 cá nhân, 22 tập thể tiên tiến, điển hình trong xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2018; Ngoài ra, Tỉnh Đoàn đã tuyên dương 19 gương thanh niên sống đẹp, 9 gương thanh niên khởi nghiệp tiêu biểu năm 2018, nhân kỷ niệm 62 năm Ngày truyền thống Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam; trao giải cuộc thi xây dựng clip tuyên truyền về nông thôn mới cho 3 tác phẩm đạt giải. Tổng kết Phong trào thi đua “Đắk Lắk chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011-2020, UBND tỉnh tặng bằng khen cho 39 tập thể, 42 cá nhân và 23 hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Đắk Lắk chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2010 - 2020. Các huyện, thị xã, thành phố tặng Giấy khen cho 486 tập thể, 646 cá nhân và 468 hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong xây dựng nông thôn mới.

**7. Kết quả xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình**

Giai đoạn 2010-2015, một trong những bất cập trong thực hiện xây dựng nông thôn mới là do nhiều địa phương nóng vội, chạy theo thành tích, tiến độ hoặc đầu tư, triển khai các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng trong khi chưa bố trí được đầy đủ nguồn vốn đã dẫn đến nợ đọng xây dựng cơ bản tăng cao. Triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH14 của Quốc hội và Quyết định số 414/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh nhiều văn bản (Công văn số 8004/UBND-TH, ngày 10/10/2017 và Thông báo số 31/TB-UBND, ngày 05/02/2018...) để chỉ đạo các đơn vị xử lý dứt điểm số nợ đọng XDCB nói trên trước năm 2019.

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn tỉnh còn 03/15 đơn vị cấp huyện còn nợ đọng XDCB với tổng kinh phí là 4.523 triệu đồng (trong đó, nợ ngân sách cấp huyện là 369 triệu đồng; nợ thuộc nguồn vốn huy động khác là 4.154 triệu đồng). Trong 6 tháng đầu năm 2019, các đơn vị đã xử lý được: 1.581 triệu đồng, còn 02/15 đơn vị cấp huyện còn nợ đọng với số tiền là 2.942 triệu đồng, trong đó: Ngân sách cấp huyện còn nợ 369 triệu đồng (huyện Krông Ana), huy động khác: 2.573 triệu đồng (Krông Ana: 143 triệu đồng; thành phố Buôn Ma Thuột: 2.430 triệu đồng). Cả 02 đơn vị này đã có kế hoạch và đang triển khai các giải pháp để hoàn thành việc xử lý nợ đọng trong năm 2019.

*(Chi tiết tại Biểu số7 kèm theo)*

**8. Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình**

\* Giai đoạn 2010 - 2015: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của tỉnh thường xuyên thành lập các đoàn kiểm tra định kỳ hoặc chuyên đề thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, kế hoạch của UBND tỉnh về Chương trình nông thôn mới trên địa bàn, cụ thể: Tỉnh ủy đã tổ chức 4 đoàn, UBND tỉnh tổ chức 8 đoàn đi kiểm tra tình hình triển khai Chương trình nông thôn mới của các huyện, thị xã, thành phố. Thường trực Ban Chỉ đạo và Văn phòng điều phối của tỉnh đã tổ chức đoàn công tác kiểm tra tại các huyện, thị xã, thành phố, trong đó có 13 xã có số tiêu chí đạt cao. Trong 5 năm, tỉnh đã tiếp và làm việc với 8 đoàn công tác của Trung ương về kiểm tra tình hình triển khai Chương trình nông thôn mới của tỉnh Đắk Lắk.

\* Giai đoạn 2016 - 2020:

- Đoàn kiểm tra của Thường trực Tỉnh ủy đã tiến hành kiểm tra việc tình hình thực hiện nhiệm vụ tại các huyện, thị xã, thành phố; trong đó, có nội dung kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình nông thôn mới.

- HĐND tỉnh đã thành lập đoàn giám sát thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015 - 2017 trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 14/QĐ-HĐND ngày 04/5/2018), theo đó: đoàn công tác đã giám sát đợt I tại UBND huyện Buôn Đôn, UBND thị xã Buôn Hồ, Sở Lao động TB và XH.

- Hàng năm, 03 đoàn kiểm tra do UBND tỉnh thành lập đã hoàn thành việc kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại các huyện, thị xã, thành phố; qua kiểm tra đã tháo gỡ một số vướng mắc, khó khăn khi thực hiện Chương trình nông thôn mới tại các địa phương.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã tiếp và làm việc với Đoàn công tác của Văn phòng điều phối nông thôn mới Trung ương về kiểm tra tình hình triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Đắk Lắk và cùng với Đoàn chuyên gia của Ngân hàng thế giới đến làm việc tại tỉnh về chương trình hỗ trợ hai Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, đoàn đã đi thực tế tại 02 huyện Krông Pắc, Krông Bông và làm việc với các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; phối hợp với Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc tại Việt Nam (FAO) tiến hành khảo sát thực tế tại 02 huyện Buôn Đôn và Cư M'gar của tỉnh Đắk Lắk, đồng thời có buổi làm việc với một số sở, ngành của tỉnh. 02 đoàn công tác (Bộ Công an, Bộ Nội vụ) của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG đã kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của tỉnh Đắk Lắk, đoàn đã đi kiểm tra thực tế tại 03 xã: Ea Mnang, Quảng Tiến, huyện Cư M'gar và Hòa Đông, huyện Krông Pắc…

- Hàng năm, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình nông thôn mới, đặc biệt tại các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức các đoàn đi kiểm tra tình hình xây dựng cơ bản tại 15 huyện, thị xã, thành phố và sự cần thiết đầu tư một số công trình thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo cơ chế đầu tư thông thường; Các sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh cũng đã tổ chức đi kiểm tra, thẩm định các tiêu chí nông thôn mới ở các huyện, thị xã, thành phố.

- Các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình nông thôn mới tại các xã theo kế hoạch đề ra, qua đó tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc khi triển khai Chương trình ở cơ sở.

##  III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

**1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình**

a) Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới:

- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:

+ Giai đoạn 2011 - 2015: có 7 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 4,6%).

+ Tháng 6/2019: lũy kế có 43 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 28,3%, vượt kế hoạch đề ra 03 xã).

+ Dự kiến cuối năm 2020: toàn tỉnh lũy kế có 61 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 40,1%, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra).

- Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới:

+ Giai đoạn 2011 - 2015: không có.

+ Tháng 6/2019: có 01 đơn vị hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (thành phố Buôn Ma Thuột đang hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương công nhận).

+ Dự kiến cuối năm 2020: toàn tỉnh có 01 - 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Số tiêu chí bình quân/xã:

+ Giai đoạn 2011 - 2015: đạt 10,43 tiêu chí/xã.

+ Tháng 6/2019: đạt 14,08 tiêu chí/xã.

+ Dự kiến cuối năm 2020: toàn tỉnh đạt 14,38 tiêu chí/xã, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Số xã đạt dưới 5 tiêu chí:

+ Giai đoạn 2011 - 2015: có 06 xã*(Cư Kbang, Ia Rvê, Ia Lốp, Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp; Ea Sin, huyện Krông Búk; Cư San, huyện M’Drắk)*.

+ Tháng 6/2019: không có.

+ Dự kiến cuối năm 2020: toàn tỉnh duy trì không có xã đạt dưới 5 tiêu chí, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

## b) Kết quả thực hiện một số tiêu chí nâng cao của Chương trình:

 - Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: không có.

- Số khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu được công nhận: không có.

## 2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới

Năm 2011, toàn tỉnh có 03 xã đạt từ 10 - 12 tiêu chí nông thôn mới (đạt tỷ lệ 2%); 51 xã đạt từ 5-9 tiêu chí (đạt tỷ lệ 34%), 81 xã đạt dưới 5 tiêu chí (đạt tỷ lệ 53%); toàn tỉnh đạt 508/2.888 tiêu chí (đạt tỷ lệ 17,6%); bình quân toàn tỉnh đạt 3,34 tiêu chí/xã.

Đến tháng 6/2019, lũy kế toàn tỉnh có 43 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 08 xã đạt 17-18 tiêu chí; 22 xã đạt 15-16 tiêu chí; 19 xã đạt 13-14 tiêu chí; 36 xã đạt 10-12 tiêu chí, 24 xã đạt 5-9 tiêu chí **([[1]](#footnote-2))**. Một số tiêu chí đạt cao như: tiêu chí số 1 về Quy hoạch, tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông, tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm, tiêu chí số 15 về Y tế, tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh; ngoài ra, một số tiêu chí đạt thấp như: tiêu chí số 2 về Giao thông (63 xã), tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa (61 xã), tiêu chí số 10 về Thu nhập (78 xã), tiêu chí số 11 về Hộ nghèo (65 xã), tiêu chí 17 về Môi trường và ATTP (78 xã)...; duy trì không có xã đạt dưới 5 tiêu chí.

Toàn tỉnh đạt 2.140 tiêu chí/2.888 tiêu chí, bằng 74,1%, tăng 1.632 tiêu chí so với năm 2011; bình quân toàn tỉnh đạt 14,08 tiêu chí/xã, tăng 10,74tiêu chí/xã so với năm 2011 (đạt vượt 102% kế hoạch năm 2019). Thành phố Buôn Ma Thuột hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (8/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đang hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương công nhận). Dự kiến cuối năm 2019, toàn tỉnh có 52 xã đạt chuẩn nông thôn mới và năm 2020 có 61 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân tiêu chí đạt 14,38 tiêu chí/xã *(đạt kế hoạch đề ra)*.

*(Chi tiết Biểu số 01 - 03 kèm theo)*

**2.1. Công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới** *(tiêu chí số 1)*

- Về quy hoạch: Đến nay toàn tỉnh có 152 xã đã Quy hoạch xây dựng nông thôn mới và UBND các xã đã kịp thời công bố, công khai các nội dung đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được duyệt cho các tổ chức, cá nhân biết và giám sát thực hiện Chương trình nông thôn mới. Tuy vậy, quy hoạch xây dựng nông thôn mới của nhiều xã cần bổ sung, điều chỉnh kịp thời trong giai đoạn mới, nhưng đến nay chỉ mới có một số huyện có điều chỉnh bổ sung cho một số xã. Hiện nay, toàn tỉnh mới có 27 xã hoàn thành việc cắm mốc quy hoạch xây dựng, các xã còn lại đang triển khai. Việc lập quy hoạch xây dựng vùng huyện theo Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ đang triển khai thực hiện*(chọn huyện Cư M’gar làm thí điểm).*

- Về đề án: Hiện nay Đề án xây dựng nông thôn mới ở cấp tỉnh, huyện, xã đã được phê duyệt và đang thực hiện theo kế hoạch. Tuy nhiên, đề án xây dựng nông thôn mới các cấp chưa được điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Đến nay, toàn tỉnh có 152/152 xã đạt tiêu chí số 1, đạt 100% *(so với năm 2011:tăng 152 xã; so với năm 2015: giữ nguyên)*.

**2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu** *(tiêu chí số 2 đến tiêu chí số 9)*

**2.2.1. Về giao thông (tiêu chí số 2)**

Tổng số km đường giao thông nông thôn tính trên địa bàn tỉnh là 16.723,3 km, bao gồm: đường xã, liên xã: 2.574,4 km, đã nhựa hóa và bê tông hóa 1.717,85 km (đạt 66,73%), tăng 827 km so với năm 2010; đường thôn buôn: 4.091,7 km, đã được cứng hóa2.007,2 km (đạt 49,06%), tăng 1.540 km so với năm 2010; Đường ngõ, xóm: 5.530,8 km, đã cứng hóa, sạch và không lầy lội vào mùa mưa4.079,27 km (đạt 73,8%), tăng 1.950 km so với năm 2010, đường trục chính nội đồng: 4.526,4 km, đã cứng hóa, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện1.217,4 km (đạt 26,9%), tăng 458 km so với năm 2010.

Đến nay, toàn tỉnh có 63/152 xã đạt tiêu chí số 2, đạt tỷ lệ 41,4%*(so với năm 2011:tăng 63 xã; so với năm 2015: tăng 50 xã)*.

**2.2.2. Về thủy lợi (tiêu chí số 3)**

**- Thủy lợi:** Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì, phối hợp trình UBND ban hành 02 Quyết định; triển khai thực hiện Luật Thủy lợi và 06 Nghị định, 01 Thông tư đã tạo hành lang pháp lý toàn diện, đồng bộ để nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.

Trên địa bàn toàn tỉnh có 779 công trình thủy lợi (605 hồ chứa, 117 đập dâng và 57 trạm bơm). Trong đó, tổng diện tích cây trồng được tưới chủ động đạt 78,8% diện tích cây trồng có nhu cầu nước tưới, tăng 1,6% và tăng 5.120 ha so với năm 2017. Công tác quản lý khai thác, đảm bảo an toàn công trình cũng đã được đơn vị, địa phương quan tâm, do đó năm 2018 mặc dù thời tiết diễn biến thất thường, cuối năm các huyện phía Đông tỉnh xuất hiện mưa lớn nhưng các công trình thủy lợi vẫn chủ động điều tiết nước đảm bảo an toàn, không để xảy ra sự cố đáng tiếc nào. Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn tỉnh có khá nhiều công trình thủy lợi, hồ chứa nước bị xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo an toàn; nhu cầu đầu tư cho tiêu chí này rất lớn nhưng nguồn lực còn hạn chế, nhất là những công trình có diện tích tưới lớn.

**- Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:** Thường xuyên chỉ đạo các địa phương, các chủ quản lý công trình thủy lợi, thủy điện có phương án đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa lũ và vận hành công trình theo quy trình đã được phê duyệt; yêu cầu các ngành, các địa phương thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của UBND tỉnh về công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn, xây dựng phương án PCLB và TKCN hàng năm của từng đơn vị nhằm chủ động trong công tác và chú trọng phương châm 4 tại chỗ để ứng phó thiên tai. Phối hợp kiểm tra các phương tiện phòng chống lụt bão; chỉ đạo diễn tập phòng chống lụt bão ở cơ sở; tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ cấp bách để xử lý một số công trình có nguy cơ mất an toàn trong mùa mưa lũ, đảm bảo an toàn cho công trình; phối hợp với các ngành liên quan và các địa phương kiểm tra tình hình thiệt hại do thiên tai tại các vùng bị ảnh hưởng và báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo PCLB Trung ương kịp thời chỉ đạo; tham mưu UBND tỉnh xử lý khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là các vấn đề bức thiết đảm bảo kịp thời, giúp nhân dân vùng thiên tai sớm ổn định đời sống. Chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch chỉ tiêu thu quỹ phòng chống lụt bão hàng năm.

Tính đến nay, có 119/152 xã đạt tiêu chí số 3, đạt tỷ lệ 78,3% *(so với năm 2011:tăng 109 xã; so với năm 2015: tăng 58 xã).*

**2.2.3. Về điện (tiêu chí số 4)**

Thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Công Thương lập kế hoạch đầu tư lưới điện theo chương trình cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia cho các thôn, buôn chưa có điện giai đoạn 2013-2020. Trong đó, các huyện, xã đã được rà soát, lập Đề án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại địa phương trong đó có lồng ghép phần lưới điện.

Kết quả công tác huy động nguồn vốn, triển khai thực hiện tiêu chí: Theo kế hoạch bố trí vốn cho dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Đắk Lắk, đến năm 2019, NSTW đã cấp 101 tỷ đồng, NSĐP (vốn đối ứng) cấp 21 tỷ đồng. Nguồn vốn do ngành điện đầu tư khoảng 456,5 tỷ đồng, nguồn vốn huy động khác khoảng 85 tỷ đồng

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 05 HTX điện đang hoạt động bán lẻ điện trên địa bàn 08 xã, cụ thể: tại huyện M’Đrắk có HTX kinh doanh điện nước huyện M’Đrắk bán điện cho 04 xã thuộc huyện; tại huyện Krông Pắc có 04 HTX điện kinh doanh bán điện cho 04 xã (Krông Búk, Ea Kuăng, Tân Tiến và Ea Phê).

Đến nay, có 124/152 xã đạt tiêu chí số 4, đạt tỷ lệ 81,6% *(so với năm 2011:tăng 93 xã; so với năm 2015: tăng 29 xã)*.

**2.2.4. Về trường học (tiêu chí số 5)**

Toàn ngành có 1.040 trường, với 462.972 học sinh từ mầm non đến trung học phổ thông (tăng 128 trường so với năm học 2010-2011, tăng 1.515 học sinh). Trong những năm qua tỉnh Đắk Lắk đã được thụ hưởng các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự đầu tư hỗ trợ của các cấp chính quyền địa phương nên cơ sở vật chất trường học ở các cấp học đã được từng bước kiên cố hóa, chuẩn hóa.

Tính đến nay toàn tỉnh có 64,73% phòng học kiên cố (10.870/16.793) theo kế hoạch năm 2018 (68%) đạt 95,14% so với kế hoạch.

 Việc đầu tư xây dựng trường, lớp học được thực hiện theo hướng kiên cố hoá, theo chuẩn Quốc gia. Cơ bản đảm bảo số phòng học 2 ca/ngày, nâng dần số trường học 2 buổi/ngày, không còn tình trạng học 3 ca.

Về xây dựng phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm: 100% trường THPT có đủ phòng máy vi tính phục vụ dạy môn tin học (có 56/56 trường) với 3.612 máy vi tính, có 95% trường THCS có phòng máy tính, với 6.930 máy vi tính, 100% trường phổ thông dân tộc nội trú huyện được đầu tư xây dựng các phòng học bộ môn. Dù đã được quan tâm đầu tư trong những năm gần đây từ các nguồn Dự án, xây dựng cơ bản của tỉnh và huy động từ nhân dân nhưng phòng bộ môn, phòng thí nghiệm cho giáo dục trung học còn thiếu so với yêu cầu, đặc biệt là cấp trung học cơ sở.

Trong những năm qua các cấp chính quyền địa phương cũng như toàn ngành đều quan tâm đẩy mạnh việc xây dựng trường chuẩn Quốc gia ở các cấp học, tính đến quý I/2019 toàn tỉnh có 444/1.007 trường đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 44,09% (tính theo số trường của đầu nhiệm kỳ 2016-2020), trong đó: Mầm non: 85/294 trường (28,91%), Tiểu học: 228/424 trường(53,71%), THCS: 118/233 trường (50,64%), THPT: 13/56 trường (23,21%).

Đến nay, có 99/152 xã đạt tiêu chí số 5, đạt tỷ lệ 65,1% *(so với năm 2011:tăng 94 xã; so với năm 2015: tăng 46 xã)*.

**2.2.5. Về cơ sở vật chất văn hóa (tiêu chí số 6)**

Cơ sở vật chất văn hóa được chú trọng xây dựng và nâng cấp, hiện nay có 13/15 huyện có Trung tâm Văn hóa, có 06/15 Trung tâm Thể dục Thể thao, có 49/184 xã, phường, thị trấn có Nhà Văn hóa, Thể thao cấp xã, có 585/609 buôn đồng bào dân tộc thiểu số có Nhà Văn hóa cộng đồng trong đó có 295/585 Nhà Văn hóa cộng đồng được cấp trang thiết bị, phương tiện hoạt động đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, giao lưu văn hóa, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đáp ứng một phần nhu cầu hưởng thụ, sáng tạo văn hóa, giải trí và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

Đến nay, có 61/152 xã đạt được tiêu chí số 6, đạt tỷ lệ 40,1% *(so với năm 2011:tăng 61 xã; so với năm 2015: tăng 46 xã)*

**2.2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (tiêu chí số 7)**

- Công tác lập quy hoạch hệ thống thương mại, cơ sở hạ tầng thương mại của địa phương gồm có:Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 03/12/2008 của UBND tỉnh phê duyệt Dự án rà soát bổ sung quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh giai đoạn 2006 - 2020; Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của UBND tỉnh về phân hạng chợ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đánh giá kết quả công tác huy động nguồn vốn đâu tư nâng cấp, cải tạo chợ đạt chuẩn; vốn xây mới chợ; vốn đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý chợ và các hộ kinh doanh trong chợ: Thực hiện chương trình nông thôn mới, thực hiện Nghị định 02/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, đối với tiêu chí số 7, các huyện đã tích cực triển khai công tác lập quy hoạch phát triển hệ thống chợ nông thôn mới đến từng xã, phù hợp với quy hoạch chung về chợ của tỉnh. Một số huyện đã thực hiện tốt việc chuyển đổi mô hình quản lý chợ để nâng cao hiệu quả hoạt động, sửa chữa nâng cấp chợ khang trang đáp ứng tiêu chí về chợ nông thôn mới. Cụ thể như: chợ Ea Tân, chợ Phú Lộc, chợ Phú Xuân (huyện Krông Năng), chợ Hòa Phú (TP. BMT), chợ Ea Hiao, chợ Cư Mốt (huyện Ea H’leo)...

Thực tế hiện nay nguồn vốn địa phương còn hạn chế chưa bố trí được, việc kêu gọi xã hội hóa rất khó khăn do đó hiệu quả mang lại còn thấp. Tổng vốn đầu tư đến nay khoảng 67,4 tỷ đồng; trong đó: Vốn ngân sách 6,4 tỷ đồng; vốn từ các thành phần kinh tế là: 61 tỷ đồng. Tổng số chợ chuyển đổi mô hình do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã quản lý là 20 chợ/146 chợ toàn tỉnh, trong đó có 9/106 chợ nông thôn.

Đến nay, có 103/152 xã đạt tiêu chí số 7, đạt tỷ lệ 67,8% *(so với năm 2011:tăng 87 xã; so với năm 2015: tăng 64 xã)*.

**2.2.7. Về thông tin truyền thông (tiêu chí số 8)**

Kết quả rà soát cơ sở hạ tầng về chỉ tiêu Bưu điện đủ điều kiện đạt chuẩn NTM, kết quả như sau: Có 134/152 xã có điểm Bưu điện văn hóa xã (BĐVX) đạt chuẩn NTM; có 05/152 xã có điểm BĐVX nhưng đang tạm ngưng hoạt động; có 13/152 xã chưa có điểm BĐVX.

Về Viễn thông, internet: Các doanh nghiệp Viễn thông (Viễn thông Đắk Lắk, Viettel Đắk Lắk và MobiFone Đắk Lắk) vẫn tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng như tăng cường đầu tư lắp đặt trạm BTS tại những khu vực sóng di động cung cấp dịch vụ 4G còn yếu, chuyển đổi dần hệ thống truyền dẫn cáp đồng sang cáp quang, chuyển đổi dần từ công nghệ tương tự sang công nghệ số, mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng dịch vụ. Đáp ứng nhu cầu phục vụ khách hàng, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ cho các cơ quan Đảng, Nhà nước góp phần vào sự phát triển KT-XH, giữ vững AN-QP và công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai của tỉnh. Cơ bản đáp ứng theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về tiêu chuẩn xã NTM cho 152/152 xã;

Về đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, buôn: Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu UBND tỉnh thực hiện đầu tư mới cho 20 Đài truyền thanh xã và nâng cấp cho 6 Đài truyền thanh xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia NTM đăng ký về đích năm 2018 và một số xã đã về đích năm 2017. Dự kiến năm 2019 tiếp tục đầu tư mới 25 Đài truyền thanh xã (UBND tỉnh đã cấp kinh phí để thực hiện trong năm 2019).

Về xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện triển khai cho 100% xã sử dụng các phần mềm ứng dụng của tỉnh như: Phần mềm quản lý văn bản (iDesk), phần mềm một cửa điện tử (iGate) và Email công vụ.

Đến nay, có 147/152 xã đạt tiêu chí số 8, đạt tỷ lệ 96,7% *(so với năm 2011:tăng 108 xã; so với năm 2015: tăng 10 xã)*.

**2.2.8. Về nhà ở dân cư (tiêu chí số 9)**

Tính đến ngày 30/4/2019, toàn tỉnh có 332.122 căn nhà ở nông thôn, trong đó: Số nhà tạm, dột nát: 13.281 căn, chiếm tỷ lệ 4%; Số nhà không đạt tiêu chuẩn NTM: 46.483 căn, chiếm tỷ lệ 14%; Số nhà đạt tiêu chuẩn NTM: 272.258 căn, chiếm tỷ lệ 82%.

Đến nay, có 100/152 xã đạt tiêu chí số 9, đạt tỷ lệ 65,8% *(so với năm 2011:tăng 98 xã; so với năm 2015: tăng 52 xã)*.

**2.3. Kinh tế và tổ chức sản xuất** *(tiêu chí số 10 đến tiêu chí số 13)*

**2.3.1. Về thu nhập (tiêu chí số 10)**

- Cục Thống kê tỉnh thường xuyên chỉ đạo Chi cục Thống kê các huyện, thị xã, thành phố đôn đốc, hướng dẫn các xã các thu thập thông tin các biểu mẫu để tính thu nhập bình quân khu vực nông thôn thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, trong đó tập trung đối với những xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí và xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm.

- Thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh năm 2018 là 27,404 triệu đồng/người/năm, trong đó: khu vực thành thị là 39,604 triệu đồng; khu vực nông thôn là 22,398 triệu đồng.Ước tính thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh năm 2019 là 29,419 triệu đồng/người/năm, trong đó: khu vực thành thị là 42,565 triệu đồng; khu vực nông thôn là 23,59 triệu đồng.

Đến nay, có 78/152 xã đạt tiêu chí số, đạt tỷ lệ 51,3% *(so với năm 2011:tăng 61 xã; so với năm 2015: tăng 04 xã).*

**2.3.2. Về hộ nghèo (tiêu chí số 11)**

- Giai đoạn 2011 - 2015: số hộ nghèo đã giảm từ 81.053 hộ xuống còn 25.322 hộ, giảm 55.731 hộ; tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh đã giảm 14,81%, bình quân giảm 2,96%/năm, từ 20,82% xuống còn 6,01%.

- Giai đoạn 2016 - 2018: số hộ nghèo đã giảm từ 81.592 hộ xuống còn 57.180 hộ, giảm 24.412 hộ; tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm 6,56%, bình quân giảm 2,19%/năm, từ 19,37% xuống còn 12,81%; trong đó, số hộ nghèo ở khu vực nông thôn giảm từ …………hộ, tỷ lệ ….% xuống còn 45.230 hộ, tỷ lệ 15,84%.

Đến nay, có 65/152 xã đạt tiêu chí số 11 (tỷ lệ hộ nghèo dưới 7%), đạt tỷ lệ 42,8% *(so với năm 2011:tăng 47 xã; so với năm 2015: giảm 03 xã)*.

**2.3.3. Về lao động có việc làm (tiêu chí số 12)**

- Giai đoạn 2010 - 2019: toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 271.120 lao động, trong đó: lao động khu vực nông thôn 174.100 lao động. Số lao động được giải quyết việc làm chủ yếu thông qua các hình thức: tự tạo việc làm và tìm kiếm việc làm không qua tổ chức giới thiệu việc làm; vay vốn ngân hàng Chính sách xã hội; thông qua tổ chức các phiên giao dịch việc làm; xuất khẩu lao động.

- Giai đoạn 2010 - 2018: toàn tỉnh đã hỗ trợ đào tạo nghề lao động nông thôn cho 27.268 lao động, với kinh phí là 200.009,6 triệu đồng; trong đó nữ 13.105 người, dân tộc thiểu số 20.875 người, so với chỉ tiêu đề ra đạt 40,89% (chỉ tiêu giai đoạn 2010 - 2018 đạo tạo 66.685 lượt lao động nông thôn). Số lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo có việc làm mới và làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập tăng lên đạt trên 76%.

Đến nay, có 150/152 xã đạt tiêu chí số 12, đạt tỷ lệ 98,7% *(so với năm 2011:tăng 150 xã; so với năm 2015: tăng 27 xã)*.

**2.3.4. Về hình thức tổ chức sản xuất (tiêu chí số 13)**

Phát triển kinh tế tập thể lĩnh vực nông nghiệp (liên kết nông dân, thành lập các Tổ hợp tác, Hợp tác xã) là nhiệm vụ quan trọng để thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn; Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản về Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp gắn liên kết sản xuất với thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018-2020; triển khai thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX nông nghiệp… đã góp phần thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh phát triển.

Tuy vậy, phần lớn các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản được hình thành tự phát; trách nhiệm, sự ràng buộc giữa các thành phần khi tham gia liên kết chưa thực sự chặt chẽ cả trên phương diện kinh tế lẫn phương diện pháp lý nên chưa thực sự bền vững. Năng lực thực sự của các thành phần khi tham gia, nhất là năng lực của các hộ nông dân, các chủ trang trại, Tổ hợp tác, Hợp tác xã vẫn còn nhiều hạn chế. Do vậy, các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện để vận hành tốt hơn, hiệu quả và bền vững hơn. Đồng thời, cần phải có các cơ chế, chính sách và sự hỗ trợ, định hướng của các cơ quan quản lý Nhà nước để các mô hình liên kết phát triển.

Thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg, ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020:

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các địa phương hết sức chú trọng và có nhiều giải pháp tích cực hỗ trợ việc chuyển đổi phát triển HTX nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã 2012. Các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới đã tạo điều kiện thuận lợi cho HTX, trang trại nông nghiệp phát triển. Tổng số HTX nông nghiệp có đến nay là: 253 HTX; trong đó Số HTX đang hoạt động là 134 HTX và số HTX yếu kém, ngừng hoạt động là 40 HTX, tăng hơn 40 HTX so với năm 2017; trong đó: thành lập mới được 604 HTX, đạt hơn 200% KH và giải thể 04 HTX, đạt 8,9% KH.

Đến nay, có 107/152 xã đạt tiêu chí số 13, đạt tỷ lệ 70,4% *(so với năm 2011:tăng 69 xã; so với năm 2015: tăng 12 xã)*.

**2.4. Về Văn hóa - Xã hội - Môi trường** *(từ tiêu chí số 14 đến tiêu chí 17)*

**2.4.1. Về giáo dục và đào tạo (tiêu chí số 14)**

Trong thời gian qua toàn ngành phấn đấu thực hiện phổ cập giáo dục ở các cấp học như sau:

- Kiểm tra hồ sơ công nhận lại các huyện, thị xã và thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2018. Kết quả như sau:

+ Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: 184/184 xã, phường, thị trấn, 15/15 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn.

+ Phổ cập giáo dục tiểu học có 37 xã phường đạt mức độ 2, 147 xã, phường đạt mức độ 3 (tăng 13 xã so với năm 2017); 11/15 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 2, 4/15 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 3, toàn tỉnh đạt mức độ 2.

+ Phổ cập giáo dục THCS có 76 xã phường đạt mức độ 1, 45 xã phường đạt mức độ 2, 63 xã, phường đạt mức độ 3 (tăng 24 xã so với năm 2017);11/15 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 1, 4/15 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 2 (tăng 2 huyện so với năm 2017); toàn tỉnh đạt mức độ 1.

+ Xóa mù chữ: 49 xã phường đạt mức độ 1,135 xã đạt mức độ 2 (tăng 7 xã so với năm 2017): 10/15 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 1, 5/15 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 2, toàn tỉnh đạt mức độ 1.

Đến nay, có 139/152 xã đạt tiêu chí 14, đạt tỷ lệ 91,4% *(so với năm 2011:tăng 117 xã; so với năm 2015: tăng 26 xã)*.

**2.4.2. Về y tế (tiêu chí số 15)**

Thường xuyên chỉ đạo các đơn vị phấn đấu đạt và duy trì Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã; Tăng cường công tác truyền thông về lợi ích của Bảo hiểm y tế và khuyến khích người dân tham gia bảo hiểm y tế; chỉ đạo sâu sát các đơn vị tổ chức khám, theo dõi và điều trị cho bệnh nhân.

Đẩy mạnh các hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em trên địa bàn, triển khai các hoạt động cho trẻ uống bổ sung vitamin A, tẩy giun, tiến hành cân đo cho trẻ và tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ trong ngày vi chất dinh dưỡng.

Tuy nhiên, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ở một số xã chưa đạt; tại một số địa phương, người dân chưa có nhận thức đúng về lợi ích của việc tham gia bảo hiểm y tế. Thái độ nhận thức của người dân về chăm sóc sức khỏe ban đầu chưa cao, còn tồn tại quan điểm lạc hậu trong đời sống sinh hoạt, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi còn cao.

Đến nay, có 151/152 xã đạt tiêu chí 15, đạt tỷ lệ 99,3% *(so với năm 2011:tăng 53 xã; so với năm 2015: tăng 19 xã)*.

**2.4.3. Về văn hóa (tiêu chí số 16)**

Xây dựng “Gia đình văn hóa” là nội dung quan trọng, cốt lõi của Phong trào, được các cấp từ tỉnh đến cơ sở quan tâm chỉ đạo thực hiện. 100% các thôn, buôn, tổ dân phố đã tổ chức cho Nhân dân đăng ký xây dựng “Gia đình văn hoá”. Năm 2010, toàn tỉnh có 350.000/210.000 hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa (đạt tỷ lệ 60%), đến nay toàn tỉnh có 360.877/430.828 hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa (đạt tỷ lệ 83,76%).

Việc triển khai thực hiện xây dựng thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa đã đạt những kết quả nổi bật và tiếp tục nhận được sự đồng tình hưởng ứng tham gia tích cực của Nhân dân. Năm 2010, toàn tỉnh có 1.670/2.470 thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa (đạt tỷ lệ 69%), đến nay toàn tỉnh có 1.863/2.481 thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa (đạt tỷ lệ 75%).

Đến nay, có 120/152 xã đạt tiêu chí số 16, đạt tỷ lệ 78,9% *(so với năm 2011:tăng 88 xã; so với năm 2015: tăng 53 xã)*.

**2.4.4. Về môi trường và an toàn thực phẩm (tiêu chí số 17)**

Sở Tài nguyên và Môi trường cùng Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế , theo chức năng nhiệm vụ được phân công đã ban hành văn bản hướng dân UBND các huyện, thị xã Buôn Hồ, và thành phố Buôn Ma Thuột thực hiện Tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã Ban hành 08 văn bản hướng dẫn việc thực hiện Tiêu chí 17 về môi trường[[2]](#footnote-3), phối hợp với các đoàn thể, chính trị tổ chức các lớp tuyên truyền việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với các Chương trình, trong đó có Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh, từ năm 2010 đến nay có 7.500 lượt, người tham gia các đợt tập huấn nêu trên.

Đến nay, có 78/152 xã đạt tiêu chí số 17, đạt tỷ lệ 51,3% *(tăng 78 xã so với năm 2011; so với năm 2015: tăng 42 xã)*.

**2.5. Về hệ thống chính trị và quốc phòng an ninh** *(từ tiêu chí số 18 đến tiêu chí số 19)*

**2.5.1. Về Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật (tiêu chí số 18)**

Tiếp tục kiện toàn các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở; quy hoạch, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ xã. Xây dựng Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”; luân phiên đào tạo cán bộ chuyên trách, công chức chuyên môn cấp xã: Công an, quân sự, địa chính, xây dựng, quản lý đất đai, tư pháp và cải quản lý hành chính, tiếp công dân.

Thực hiện Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Sở Tư pháp đã kịp thời đôn đốc, quán triệt, hướng dẫn UBND cấp huyện triển khai thực hiện công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. Kết quả, nhiều địa phương của tỉnh đã hoàn thành việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2017, cụ thể có 71 đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (các huyện Krông Bông, huyện M’Đrắk, huyện Ea Súp, huyện Buôn Đôn chưa thực hiện việc đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2017 nên chưa có kết quả công nhận).

Đến nay, có 140/152 xã đạt tiêu chí số 18, đạt tỷ lệ 92,1% *(so với năm 2011:tăng 68 xã; so với năm 2015: tăng 17 xã)*.

**2.5.2. Về quốc phòng và an ninh (tiêu chí số 19)**

- Bộ CHQS tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban CHQS các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương xây dựng nền QPTD gắn với tham gia xây dựng thực lực chính trị cơ sở, thông qua việc phối hợp với các ngành chức năng xây dựng, phát triển đảng trong lực lượng DQTV, DBĐV, xây dựng chi bộ quân sự cấp xã có cấp ủy bền vững đào tạo cán bộ quân sự xã, phường, thị trấn; tổ chức huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, diễn tập khu vực phòng thủ, không ngừng bồi dưỡng, củng cố bản lĩnh chính trị và nâng cao sức chiến đấu của lực lượng DQTV, DBDV; phối hợp chỉ đạo tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng, nhằm nâng cao nhận thức về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, an ninh trong tình hình mới. Tính đến nay toàn tỉnh có 152/152 xã đạt vững mạnh về quốc phòng *(chỉ tiêu 19.1)*

- Công an tỉnh đã tập trung chỉ đạo lực lượng Công an nắm chắc tình hình, triển khai hiệu quả công tác an ninh tại các địa bàn trọng điểm, phức tạp; chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành tham mưu cấp ủy, chính quyền giải quyết kịp thời, ổn định các điểm xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện phức tạp kéo dài, nhất là những vụ khiếu kiện liên quan đến các dự án kinh tế, đất đai, phương án khoán sản phẩm. Kiến nghị với cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số, kịp thời giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh có tác động, ảnh hưởng đến ANTT ở nông thôn.

Tại các địa bàn tôn giáo, dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, lực lượng Công an đã tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể vận động Nhân dân chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo, dân tộc; đẩy mạnh sản xuất, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng, tranh thủ, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân cư; các chức sắc, chức việc trong tôn giáo, dân tộc tham gia xây dựng nông thôn mới.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về ANTT, thực hiện đúng quy định về đăng ký quản lý cư trú, đảm bảo quy trình cấp CMND. Tăng cường kiểm tra cư trú, kiểm tra ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT. Duy trì công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm ở địa bàn trọng điểm, kịp thời giải quyết các vụ việc phát sinh từ cơ sở. Đẩy mạnh vận động giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Đến nay, có 144/152 xã đạt tiêu chí 19, đạt tỷ lệ 94,7% *(so với năm 2011:tăng 36 xã; so với năm 2015: tăng 02 xã)*.

**3. Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới** (theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Hiện nay, tỉnh Đắk Lắk mới có 1 đơn vị là thành phố Buôn Ma Thuột có 8/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định, dự kiến năm 2020 có thêm thị xã Buôn Hồ hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới (đã đạt chuẩn 4/5 xã). Hiện các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới đang thực hiện theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu. Riêng cấp huyện có 2 huyện Cư M'Gar (9/15 xã đạtchuẩn nông thôn mới) và huyện Krông Pắc (9/15 xã đạt chuẩn nông thôn mới) cũng có đề ra kế hoạch đạt chuẩn huyện nông thôn mới vào năm 2020, tuy nhiên cũng còn gặp nhiều khó khăn khi triển khai, hiện huyện Cư M'Gar đang triển khai công tác lập quy hoạch vùng huyện theo yêu cầu của Bộ tiêu chí.

\* Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016; tuy nhiên, chưa ban hành cơ chế, chính sách, cũng như hỗ trợ từ nguồn vốn từ ngân sách trung ương cho cấp huyện đạt chuẩn theo quy định; ngoài ra một số Bộ ngành chưa có hướng dẫn cụ thể trong thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới nên địa phương lúng túng trong quá trình thực hiện.

**IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Kết quả đạt được**

- Có thể khẳng định Chương trình xây dựng nông thôn mới là chương trình thành công nhất trong tất cả các chương trình kinh tế - xã hội của các chương trình mục tiêu quốc gia,nông thôn mới đã làm thay đổi nhận thức của đa số người dân, lôi cuốn họ hăng say, nhiệt huyết tham gia đóng góp sức người, sức của để xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt, từ chỗ số đông còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào đầu tư của Nhà nước, đã chuyển sang chủ động, xác định rõ lợi ích và trách nhiệm của mình với cộng đồng, xác định được vai trò chủ thể của cộng đồng tự lựa chọn công trình, phần việc thiết thực, phù hợp để xây dựng nông thôn mới tại địa phương, Nhà nước chỉ đóng vài trò định hướng, hướng dẫn và hỗ trợ. Ở đây, cần đặc biệt nhấn mạnh đến sức mạnh của công tác tuyên tuyền, vận động của toàn hệ thống chính trị, nhất là vai trò đầu tàu của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến xã.

- Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2010-2015 và 2016-2020 của tỉnh đã được ban hành kịp thời; hệ thống cơ chế, chính sách để vận hành Chương trình xây dựng nông thôn mới đã được hình thành cơ bản. tỉnh đã chủ động ban hành cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện của địa phương. Cơ chế trao quyền tự quyết cho cộng đồng (thôn, xã) đã phát huy tinh thần năng động, sáng tạo của các địa phương, sự tham gia của người dân, tạo nên sức mạnh to lớn của toàn xã hội thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Sự hỗ trợ của Nhà nước tuy hạn chế, nhưng đã được sử dụng có hiệu quả cao, kết hợp với sự đóng góp lớn của nhân dân.

- Nông thôn mới đã trở thành hiện thực. Hệ thống hạ tầng nông thôn phát triển mạnh mẽ, làm thay đổi bộ mặt nhiều vùng nông thôn. Sản xuất nông nghiệp hàng hóa được coi trọng và có chuyển biến; việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp đã được nhiều địa phương chỉ đạo thực hiện; mô hình hợp tác xã kiểu mới đã hình thành ở hầu khắp các xã, trong đó, nhiều hợp tác xã đã tham gia vào chuỗi liên kết phát triển sản xuất, góp phần tích cực nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của số lượng lớn dân cư nông thôn.

- Vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở các cấp được phát huy, dân chủ ở nông thôn được nâng lên về chất. Ở những nơi xây dựng nông thôn mới thành công, niềm tin của người dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước được nâng cao; nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, tình làng nghĩa xóm trong cộng đồng dân cư ngày càng gắn bó, sâu sắc hơn.

- Tỉnh đã hình thành bộ máy chỉ đạo và tham mưu giúp việc đồng bộ từ Tỉnh tới cơ sở, hoạt động ngày càng chuyên nghiệp, là nòng cốt tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới hiệu quả, chất lượng. Đội ngũ cán bộ vận hành Chương trình xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cơ sở đã có tiến bộ rõ rệt, nhận thức đầy đủ hơn và chỉ đạo có hiệu quả hơn, nhất là trong việc xây dựng dự án, kế hoạch, vận động quần chúng và tổ chức, thực hiện dự án, thực hành dân chủ ở nông thôn. Cơ chế chính sách để tổ chức thực hiện và động viên khen thưởng kịp thời, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của tỉnh.

**2. Hạn chế, tồn tại**

 Bên cạnh những thành tựu, kết quả đã đạt được, Chương trình xây dựng nông thôn mới vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần phải tập trung khắc phục, như: Sự quan tâm thực hiện Chương trình có nơi, có lúc còn thiếu sâu sát, chưa thường xuyên và chặt chẽ; nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu, còn trông chờ vào nguồn lực của nhà nước; kết quả đạt được trong xây dựng nông thôn mới chưa đồng đều, còn khoảng cách lớn giữa các địa phương, đến nay 5 huyện khó khăn của tỉnh vẫn chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới; việc tổ chức thực hiện một số cơ chế, chính sách chưa thực sự quyết liệt, lúng túng, thiếu đồng bộ, một số văn bản hướng dẫn chưa sát thực tế, chậm bổ sung, sửa đổi; tổ chức sản xuất trong nông nghiệp còn chưa liên kết bền vững, cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới còn hạn chế; ở một số địa phương, việc xây dựng đời sống văn hóa còn hình thức, môi trường nông thôn vẫn tiếp tục bị đe dọa... Cán bộ chuyên trách nông thôn mới ở cấp huyện, xã không những thiếu mà còn thường xuyên biến động, dẫn đến hoạt động kém hiệu quả, chất lượng xây dựng nông thôn mới ở 1 số địa phương chưa cao, thiếu bền vững

**3. Một số nguyên nhân hạn chế, tồn tại**

a) Về khách quan

- Xuất phát điểm của đa số xã còn thấp, trong khi nguồn lực của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp còn hạn chế. Chương trình triển khai vào thời kỳ suy thoái kinh tế, việc huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới gặp nhiều khó khăn.

- Tình trạng suy thoái kinh tế kéo dài, lạm phát những năm đầu cao; các trục giao thông xuống cấp trầm trọng, giá cả đầu vào của nền kinh tế tăng, huy động các nguồn vốn đầu tư xã hội cũng trở nên khó khăn. Giá cả một số mặt hàng nông sản chủ đạo bị xuống thấp.Biến đổi khí hậu đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của nhân dân. Ngoài ra, dịch bệnh ở gia súc, gia cầm xảy ra và diễnbiến phức tạp,… ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của nhân dân,làm cho việc xây dựng nông thôn mới có nơi bị ảnh hưởng nghiêm trọng, thiếubền vững.

- Do đặc thù là tỉnh miền núi nên có những khó khăn do địa hình phức tạp, địa bàn rộng, diện tích xã bình quân của tỉnh là hơn 8.300 ha/xã (bình quân cả nước là 2.970 ha/xã); nhiều khu vực bị chia cắt bởi đồi núi,sông suối, nên việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng rất khó khăn, suấtđầu tư lớn; ở khu vực Tây Nguyên, hình thái thời tiết với mùa khô, mùa mưa rấtrõ, nên ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất cũng như tiến độ xây dựng các côngtrình hạ tầng. Ngoài ra, Đắk Lắk có dân cư ở phân tán, thưa thớt nên việc thực hiện các tiêu chí về xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn ở nhiều xã là khó thực hiện đạt chuẩn do kinh phí đầu tư quá lớn (bình quân 200 tỷ đồng/xã).

- Chất lượng công tác giáo dục, đào tạo còn hạn chế; trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực của các địa phương còn thấp.

- Công tác chỉ đạo của một số địa phương chưa thực sự quyết liệt, có nơi giậm chân tại chỗ; công tác xúc tiến thương mại chưa thực sự hiệu quả, sự vào cuộc của lãnh đạo chủ chốt ở nhiều địa phương còn hạn chế; chưa phát huy được hết lợi thế về đất sản xuất, việc phát triển du lịch du lịch nông thôn còn hạn chế.

- Năng lực cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới nhiều địa phương còn yếu, chưa thực sự chủ động trong công tác tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện Chương trình; chất lượng hoạt động của hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp của tỉnh, nhất là cấp huyệncòn hạn chế, do hầu hết không bố trí đủ cán bộ làm việc chuyên trách.

b) Về chủ quan

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ và nhân dân về xây dựng nông thôn mới còn hạn chế, vẫn còn tư tưởng thụ động, trông đợi vào sự hỗ trợ của Nhà nước, nhất là ngân sách Trung ương.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp uỷ, chính quyền thiếu sâu sát, quyết liệt; có lúc chưa tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm, thiếu kiên quyết, sáng tạo, linh hoạt; hoạt động kiểm tra, đôn đốc chưa thường xuyên. Một số cơ quan chức năng chưa làm tốt vai trò tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền các cấp. Một số cán bộ lãnh đạo trình độ năng lực còn hạn chế, tính nêu gương, nêu cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu ở không ít địa phương, đơn vị thấp.

- Sự phối kết hợp giữa các cấp, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội chưa chặt chẽ, đồng bộ trong việc triển khai tổ chức thực hiện chương trình.

**3. Bài học kinh nghiệm**

Qua 9 năm triển khai Chương trình có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

- Xây dựng nông thôn thực chất là thực hiện các nội dung cụ thể để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Do đó, phải gắn xây dựng nông thôn mới với tái cơ cấu nông nghiệp và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phải thực sự phát huy vai trò chủ thể của người dân. Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng phải là giải pháp quan trọng hàng đầu. Làm cho dân hiểu, dân tin, dân hưởng ứng bằng sự tham gia bàn bạc, hiến kế, đóng góp công, của và chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình là yếu tố quyết định sự thành công trong xây dựng nông thôn mới.

- Vai trò của cán bộ chủ chốt là hết sức quan trọng, nhất là trong công tácluân chuyển và bố trí cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Thực tiễn triển khai Chương trìnhthời gian qua cho thấy, ở nơi nào người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thểthực sự quan tâm vào cuộc thường xuyên, quyết liệt thì kết quả xây dựng nôngthôn mới sẽ có chuyển biến rõ nét cả về số lượng và chất lượng đạt chuẩn.

- Để đẩy nhanh tiến trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, từng địaphương phải có cách làm phù hợp với điều kiện thực tế, lựa chọn các nội dung,nhiệm vụ ưu tiên để thực hiện; vận dụng sáng tạo cơ chế chính sách của Trungương, có phương thức huy động các nguồn lực phù hợp; phát huy tối đa tiềmnăng, lợi thế sẵn có gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, thu hút doanh nghiệpvề đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh; kịp thời phát hiện các mô hình hay,cách làm sáng tạo, các phong trào thi đua hiệu quả để triển khai nhân rộng, tạosự lan tỏa trên địa bàn.

- Phải có hệ thống chỉ đạo, đồng bộ, hiệu quả; có bộ máy giúp việc đủnăng lực, chuyên nghiệp, sát thực tế sẽ là yếu tố quan trọng đảm bảo cho côngtác chỉ đạo có hiệu quả; đồng thời, phải thực sự phát huy vai trò chủ thể củangười dân để người dân tích cực hưởng ứng, chủ động thực hiện các nhiệm vụcủa mình... đây là các yếu tố quan trọng, có vai trò quyết định sự thành côngtrong chỉ đạo, thực hiện Chương trình

**Phần thứ hai**

**MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020**

**I. DỰ KIẾN MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU NĂM 2020**

- Tiếp tục giữ vững chất lượng và nâng cao chất lượng đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, phấn đấulũy kế có 61 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 40,1% số xã).

- Số tiêu chí đạt bình quân chung là 14,38 tiêu chí/xã.

- Không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí.

- Có từ 01 đến 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt trên 41 triệu đồng.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo 2,5 - 3%/năm.

- Tăng cường cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống ở nông thôn; đời sống nhân dân từng bước được nâng cao.

- Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí cho các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, xây dựng mô hình điểm khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu và xây dựng xã thực hiện tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

**II. MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN**

1. Nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp và cả hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới, nhất là vai trò của người đứng đầu, phải xem xây dựng nông thôn mới là một cuộc cách mạng, một nhiệm vụ chính trị trọng tâm cần thực hiện kiên trì, kiên nhẫn, thường xuyên và liên tục, phải xác định xây dựng nông thôn mới "có điểm khởi đầu, nhưng không có điểm kết thúc".

2. Tiếp tục triển khai sâu rộng và thiết thực Phong trào thi đua "Đắk Lắk chung sức xây dựng nông thôn mới" từ tỉnh đến huyện, xã với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp thực tiễn, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai phong trào thi đua giai đoạn 2016 - 2020; chú trọng phát huy sức sáng tạo của các tầng lớp nhân dân; tạo sự đồng thuận của toàn xã hội, gắn phong trào thi đua với tiếp tục đẩy mạnh việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" và các phong trào thi đua khác trên địa bàn cả nước; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân chung sức xây dựng nông thôn mới thiết thực, hiệu quả hơn, tránh bệnh phô trương, chạy theo thành tích. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến cơ sở về Chương trình xây dựng nông thôn mới, mở thêm các chuyên trang, chuyên mục, thêm thời lượng để phổ biến, phát hiện và biểu dương các mô hình hay, cách làm mới, các điển hình tiên tiến.

3. Tập trung rà soát lại tất cả các cơ chế, chính sách để thực hiện Chương trình hiệu quả; có cơ chế, chính sách thích hợp và đủ mạnh để thực sự khuyến khích việc ứng dụng khoa học - công nghệ, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn phát triển sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; chú trọng công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp thu hút nhiều lao động nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động và kinh tế nông thôn; đẩy mạnh hỗ trợ xây dựng nông thôn mới cấp thôn, buôn ở các xã khó khăn vùng biên giới của tỉnh theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn, nhất là việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn sản phẩm đồng thời thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung hỗ trợ hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững với quy mô sản xuất hàng hóa lớn đối với các nhóm sản phẩm chủ lực (cấp xã - huyện, cấp tỉnh và cấp quốc gia); đẩy mạnh chuyển đổi sang mô hình hợp tác xã kiểu mới theo Luật Hợp tác xã năm 2012; triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), nhằm tạo ra các sản phẩm chủ lực ở mỗi thôn, buôn, xã có sự hỗ trợ của Nhà nước trong đánh giá, xếp hạng sản phẩm, gắn "sao" cho các sản phẩm để hỗ trợ tiêu thụ hiệu quả hơn, tạo được niềm tin của người dân đối với chất lượng các sản phẩm. Đổi mới phương thức thực hiện và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng gắn đào tạo nghề với triển khai các mô hình, dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cụ thể, theo nhu cầu hoặc dự án đầu tư ở nông thôn của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế.

5. Các địa phương cần quan tâm chỉ đạo thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa một cách hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu; khắc phục triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường đang có chiều hướng gia tăng, ảnh hưởng nguy hại đến đời sống của người dân nông thôn, đặc biệt là việc xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, vấn đề cung cấp nước sạch cho người dân nông thôn, nhất là ở các vùng chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đối khí hậu và tạo cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, hiện đại, hợp lý và giữ gìn được những đặc trưng và bản sắc nông thôn truyền thống.

6. Thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới của tỉnh, từng địa phương phải xác định rõ tiêu chí bức xúc, trọng tâm để tập trung chỉ đạo, trong đó chú trọng các tiêu chí về đời sống người dân, an ninh, an toàn xã hội, văn hoá, môi trường và sự vững mạnh của hệ thống chính trị. Thực hiện nghiêm túc việc xem xét, công nhận xã, cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, đảm bảo thực chất, khách quan. Đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, cần tập trung chỉ đạo phấn đấu đạt xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu.

7. Tiếp tục tăng cường và đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để thực hiện Chương trình. Các địa phương chủ động lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn; huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; tăng cường các hình thức hợp tác công tư và xã hội hóa để thu hút đầu tư vào bảo vệ và xử lý môi trường, giao thông nông thôn, hạ tầng thương mại, cung cấp nước sạch, dịch vụ văn hóa - thể thao, dịch vụ y tế; có giải pháp khắc phục, hạn chế vấn đề nợ đọng xây dựng cơ bản sai quy định trên địa bàn nông thôn, công khai các khoản đóng góp của dân theo nguyên tắc tự nguyện và do Hội đồng nhân dân xã thông qua, không được huy động quá sức dân.

8. Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia, kiện toàn và nâng cao năng lực bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, triển khai thực hiện Chương trình OCOP theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp. Bố trí đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách về xây dựng nông thôn mới phải giỏi về chuyên môn, có tâm huyết để đáp ứng yêu cầu công việc, nhưng đảm bảo nguyên tắc không làm tăng phát sinh biên chế của từng cấp, từng ngành. Các đơn vị nghiêm túc thực hiện quy định về chế độ báo cáo định kỳ về cập nhật kết quả thực hiện và tiến độ giải ngân các nguồn vốn thuộc Chương trình.

9. Tiếp tục triển khaimô hình xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; thôn, buôn đạt chuẩn nông thôn mới; khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu; xây dựng quy hoạch vùng huyện.

10. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới; tiếp tục phát huy vai trò phản biện, giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới. Định kỳ, Ủy ban MTTQ các cấp tổ chức điều tra, đánh giá sự hài lòng của người dân đối với tiến độ và kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

11. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Chương trình năm 2020 khoảng 5.128.844 triệu đồng, bao gồm:

- Ngân sách Trung ương là 483.830 triệu đồng(Vốn ĐTPT: 398.830 triệu đồng; Vốn SN: 85.000 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương là 446.212 triệu đồng(Vốn ĐTPT: 397.435 triệu đồng; Vốn SN: 48.777 triệu đồng);

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác có chung mục tiêu được đầu tư trên địa bàn khoảng 1.500.802 triệu đồng;

- Huy động sự tham gia của người dân khoảng 698.000 triệu đồng;

- Vốn tín dụng khoảng 2.000.000 triệu đồng.

**Phần thứ ba**

**ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SAU NĂM 2020**

**I. QUAN ĐIỂM**

# Phát huy những kết quả đã đạt được, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk tiếp tụcxác định: “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là chiến lược; nông thôn mới là căn bản; tái cơ cấu ngành nông nghiệp cùng với thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm là then chốt; người nông dân là chủ thể”; phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, xây dựng nông thôn mới tiếp tục hướng tới phát triển nông thôn toàn diện và bền vững, làm cho đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn khá giả, tiệm cận với khu vực đô thị, trong đótập trung nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển du lịch nông thôn làm nền tảng cơ bản gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ nông thôn và phù hợp với quá trình đô thị hóa; chú trọng bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống; đẩy mạnh công tác giữ gìn, bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp. Xây dựng nông thôn phải là nông thôn của khát vọng khời nghiệp, làm giàu, thu hút các nguồn lực phát triển và lan tỏa các giá trị bền vững, hướng đến xây dựng các “vùng quê đáng sống”

# II. MỤC TIÊU

# 1. Mục tiêu tổng quát:

# Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, đồng thời thu hẹp khoảng cách giữa các vùng trên địa bàn toàn tỉnh; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững.

# 2. Mục tiêu cụ thể:

# a) Giai đoạn 2021 - 2025:

# - Cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới: Lũy kế có ít nhất 20% số đơn vị cấp huyện *(Trung ương đề nghị là 30%)*.

# - Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: Lũy kế có 60% số xã(91 xã), trong đó: có ít nhất 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao *(Trung ương đề nghị là 15%),* có ít nhất 3% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu *(Trung ương đề nghị là 5%).*

# - Không còn xã dưới 10 tiêu chí*(Trung ương đề nghị là 10 tiêu chí)*.

# - Bình quân số tiêu chí nông thôn mới đạt được trên 01 đơn vị xã: Lũy kế đạt 16,4 tiêu chí/xã (tăng 2,02 tiêu chí/xã so với giai đoạn 2016 - 2020).

# - Cấp thôn, buôn: có 60% số thôn, buôn đặc biệt khó khăn trong Đề án 1385 (Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới *(Trung ương đề nghị là 85% số thôn, buôn vùng khó khăn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới).*

# - Số khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu: 40 khu dân cư.

# - Số vườn mẫu nông thôn mới: 50 vườn mẫu.

# - Thu nhập bình quân của người dân nông thôn đến năm 2025: tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020 *(Trung ương đề nghị là 1,8 lần)*.

# b) Giai đoạn 2026 - 2030:

# - Cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới: Lũy kế có ít nhất 30% số đơn vị cấp huyện.

# - Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: Lũy kế có 80% số xã(121 xã), trong đó: có ít nhất 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao*,* có ít nhất 3% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu*.*

# - Không còn xã dưới 10 tiêu chí.

# - Bình quân số tiêu chí nông thôn mới đạt được trên 01 đơn vị xã: Lũy kế đạt 17,5 tiêu chí/xã.

# - Cấp thôn, buôn: có 80% số thôn, buôn đặc biệt khó khăn trong Đề án 1385 (Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới*.*

# - Số khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu: 80 khu dân cư.

# - Số vườn mẫu nông thôn mới: 100 vườn mẫu.

# - Thu nhập bình quân của người dân nông thôn đến năm 2030: tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2025.

**III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN**

1. Nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp và cả hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới, nhất là vai trò của người đứng đầu, phải xem xây dựng nông thôn mới là một cuộc cách mạng, một nhiệm vụ chính trị trọng tâm cần thực hiện kiên trì, kiên nhẫn, thường xuyên và liên tục, phải xác định xây dựng nông thôn mới "có điểm khởi đầu, nhưng không có điểm kết thúc".

2. Tiếp tục triển khai sâu rộng và thiết thực Phong trào thi đua "Đắk Lắk chung sức xây dựng nông thôn mới"; chú trọng phát huy sức sáng tạo của các tầng lớp nhân dân; tạo sự đồng thuận của toàn xã hội, gắn phong trào thi đua với tiếp tục đẩy mạnh việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" và các phong trào thi đua khác trên địa bàn cả nước; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân chung sức xây dựng nông thôn mới thiết thực, hiệu quả hơn, tránh bệnh phô trương, chạy theo thành tích. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến cơ sở về Chương trình xây dựng nông thôn mới, mở thêm các chuyên trang, chuyên mục, thêm thời lượng để phổ biến, phát hiện và biểu dương các mô hình hay, cách làm mới, các điển hình tiên tiến.

3. Tập trung rà soát lại tất cả các cơ chế, chính sách để thực hiện Chương trình hiệu quả; có cơ chế, chính sách thích hợp và đủ mạnh để thực sự khuyến khích việc ứng dụng khoa học - công nghệ, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn phát triển sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; chú trọng công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp thu hút nhiều lao động nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động và kinh tế nông thôn.

4. Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn, nhất là việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn sản phẩm đồng thời thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung hỗ trợ hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững với quy mô sản xuất hàng hóa lớn đối với các nhóm sản phẩm chủ lực (cấp xã - huyện, cấp tỉnh và cấp quốc gia); đẩy mạnh chuyển đổi sang mô hình hợp tác xã kiểu mới theo Luật Hợp tác xã năm 2012; triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

5. Các địa phương cần quan tâm chỉ đạo thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa một cách hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu; khắc phục triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường đang có chiều hướng gia tăng, ảnh hưởng nguy hại đến đời sống của người dân nông thôn, đặc biệt là việc xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, vấn đề cung cấp nước sạch cho người dân nông thôn, nhất là ở các vùng chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đối khí hậu và tạo cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, hiện đại, hợp lý và giữ gìn được những đặc trưng và bản sắc nông thôn truyền thống.

6. Thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới của tỉnh, từng địa phương phải xác định rõ tiêu chí bức xúc, trọng tâm để tập trung chỉ đạo, trong đó chú trọng các tiêu chí về đời sống người dân, an ninh, an toàn xã hội, văn hoá, môi trường và sự vững mạnh của hệ thống chính trị. Đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, cần tập trung chỉ đạo phấn đấu đạt xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu.

7. Tiếp tục tăng cường và đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để thực hiện Chương trình; có giải pháp khắc phục, hạn chế vấn đề nợ đọng xây dựng cơ bản sai quy định trên địa bàn nông thôn, công khai các khoản đóng góp của dân theo nguyên tắc tự nguyện và do Hội đồng nhân dân xã thông qua, không được huy động quá sức dân.

8. Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia, kiện toàn và nâng cao năng lực bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, triển khai thực hiện Chương trình OCOP theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp. Bố trí đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách về xây dựng nông thôn mới phải giỏi về chuyên môn, có tâm huyết để đáp ứng yêu cầu công việc, nhưng đảm bảo nguyên tắc không làm tăng phát sinh biên chế của từng cấp, từng ngành. Các đơn vị nghiêm túc thực hiện quy định về chế độ báo cáo định kỳ về cập nhật kết quả thực hiện và tiến độ giải ngân các nguồn vốn thuộc Chương trình.

9. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới; tiếp tục phát huy vai trò phản biện, giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới. Định kỳ, Ủy ban MTTQ các cấp tổ chức điều tra, đánh giá sự hài lòng của người dân đối với tiến độ và kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

**IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Dự kiến tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình là 27.310.000 triệu đồng, bao gồm:

- Ngân sách Trung ương: 1.220.000 triệu đồng (vốn ĐTPT 920.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp 300.000 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 2.420.000 triệu đồng (vốn ĐTPT từ ngân sách tỉnh đối ứng 920.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp từ ngân sách tỉnh đối ứng 300.000 triệu đồng, vốn ĐTPT từ ngân sách cấp huyện xã 1.200.000 triệu đồng);

- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác: 6.770.000 triệu đồng;

- Huy động của người dân: 3.800.000 triệu đồng;

- Vốn tín dụng: 13.100.000 triệu đồng.

# Phần thứ tư

**ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG**

1. Đắk Lắk là tỉnh có địa bàn rộng, địa hình đồi núi đặc thù, dân cư thưa thớt, nhiều thành phần dân tộc, dân di cư ngoài kế hoạch lớn, dân trí của một bộ phận dân cư nông thôn còn thấp, các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn còn manh mún, nhỏ lẻ nên việc đóng góp vào xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất nói chung và hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị còn rất hạn chế. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao so với mặt bằng chung của cả nước, đặc biệt là tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM dự kiến đến hết năm 2020 mới đạt 40,1%, còn 59,9% (tương đương 91 xã) chưa đạt chuẩn đều là những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Vì vậy, trong giai đoạn tới, đề nghị Trung ương tăng cường nguồn vốn hỗ trợ cho địa phương, để địa phương có điều kiện đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng thiết yếu để phục vụ việc phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, giảm nghèo đa chiều… nhằm góp phần cho người dân thoát nghèo, nâng cao thu nhập, rút ngắn khoảng cách giữa các địa bàn, tạo sự công bằng, phát triển đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Nguồn lực của Ngân sách Trung ương hỗ trợ chưa đảm bảo tiến độ theo kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020. Tổng vốn ĐTPT từ ngân sách Trung ương bố trí lũy kế đến kế hoạch 2019 mới được 489,37/888,2 tỷ đồng, chỉ đạt 55,09% KH trung hạn (kể cả phần kinh phí dự phòng), do vậy, tỉnh gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình theo kế hoạch đề ra, đề nghị Trung ương quan tâm giao đủ số vốn còn lại cho tỉnh Đắk Lắk trong năm 2020 theo kế hoạch trung hạn và giao vốn dự phòng trung hạn giai đoạn 2016-2020 của Chương trình để tỉnh Đắk Lắk triển khai thực hiện, hoàn thành kế hoạch đề ra.

3. Ngày 07/6/2016, UBND tỉnh đã có Văn bản số 4396/UBND-NN&MT gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc xin đăng ký tham gia Dự án “Hỗ trợ triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020 vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) và Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 19/5/2017 về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình “Hỗ trợ thực hiện 02 Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020”; đồng thời,tỉnh Đắk Lắk là 01 trong 18 tỉnh được thụ hưởng Chương trình này. Tuy nhiên, qua 4 năm triển khai, ngoài số vốn trung hạn Trung ương đã phê duyệt cho tỉnh Đắk Lắk thì không có nguồn vốn tăng thêm khi tham gia Dự án hỗ trợ thực hiện cho 02 Chương trình của tỉnh Đắk Lắk, do vậy, tỉnh Đắk Lắk đề nghị Trung ương bố trí thêm nguồn vốn để thực hiện 02 Chương trình ngoài nguồn vốn trung hạn đã phê duyệt.

4. Giai đoạn 2021 - 2025, đề nghị các Bộ ngành Trung ương sớm tham mưu ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới phù hợp điều kiện thực tế với từng địa phương, ban hành các cơ chế, chính sách và hướng dẫn ngày trong năm 2020 và theo hướng ưu tiên nguồn vốn cho các tỉnh khó khăn, miền núi để giảm khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, miền. Có cơ chế chính sách ưu tiên để đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã, tập trung ở những xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số.Khi xây dựng và ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho các địa phương cần tính đến các yếu tố đặc thù của từng vùng như: Diện tích tự nhiên khu vực nông thôn; Tổng số km giao thông nông thôn; Tỷ lệ hộ nghèo; Tổng số hộ nghèo; Tỷ lệ dân tộc thiểu số; Số dân di cư tự do; Tỷ lệ hỗ trợ từ NS Trung ương... để phân bổ nhằm đảm bảo công bằng giữa các vùng, miền, địa phương trên cả nước./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- - Ban chỉ đạo TW các CTMTQG (báo cáo); - VPĐP NTM TƯ (báo cáo); - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;- Các sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh;- UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Lãnh đạo VPUBND tỉnh;- Văn phòng điều phối NTM tỉnh;- Các phòng: TH, TCBM, VHXH,CN, NC, NN&MT, TT Tin học, Công báo;- Lưu: VT. (80b)  | **CHỦ TỊCH****Phạm Ngọc Nghị** |
|  |  |

1. *Tính theo từng tiêu chí, có 152 xã đạt tiêu chí số 1, 63 xã đạt tiêu chí 2, 119 xã đạt tiêu chí 3, 124 xã đạt tiêu chí 4, 99 xã đạt tiêu chí 5, 61 xã đạt tiêu chí 6, 103 xã đạt tiêu chí 7, 147 xã đạt tiêu chí 8, 100 xã đạt tiêu chí 9, 78 xã đạt tiêu chí 10, 65 xã đạt tiêu chí 11, 150 xã đạt tiêu chí 12, 107 xã đạt tiêu chí 13, 139 xã đạt tiêu chí 14, 151 xã đạt tiêu chí 15, 120 xã đạt tiêu chí 16, 78 xã đạt tiêu chí 17, 140 xã đạt tiêu chí 18, 144 xã đạt tiêu chí 19.* [↑](#footnote-ref-2)
2. *Công văn số 670/STNMT-BVMT ngày 25/3/2014 về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới; Công văn số 66/STNMT-BVMT ngày 13/01/2016 về việc hướng thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới; Công văn số 912/STNMT-BVMT ngày 13/01/2016 về việc tăng cường thực hiện tiêu chí 17 về môi trường trong xây dựng nông thôn mới; Công văn số 752/STNMT-BVMT ngày 11/4/2018 về việc tăng cường thực hiện tiêu chí 17 về môi trường trong xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2017-2020; Công văn số 970/STNMT-BVMT ngày 08/5/2018 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã thuộc thuộc tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2017-2020; Công văn số 405/STNMT-BVMT ngày 05/3/2019 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã thuộc thuộc tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2019-2020; Công văn số 686/STNMT-BVMT ngày 02/4/2019 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 51 xã tại các huyện: Lắk, M’Đrăk, Krông Bông, Buôn Đôn, Ea Súp, giai đoạn 2019-2020; Công văn số 713/STNMT-BVMT ngày 04/4/2019 Về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường mô hình khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.* [↑](#footnote-ref-3)